

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15-5-2019.

Về tranh chấp: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Thành Ngọc;

2. Bà Đỗ Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 818/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Võ Tấn Đ, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: ấp T, xã Đ, huyện H, tỉnh T; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp T, xã Đ, huyện H, tỉnh T; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 13 tháng 11 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Võ Tấn Đ trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Thúy L tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2005, không đăng ký kết hôn. Sau khi anh chị về sống chung thời gian cuộc sống chung không hạnh phúc, đến khoảng năm 2011 anh chị phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh chị không hợp nhau về tính nết, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, khi chung sống vợ chồng thường xuyên gây gổ. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị L.

Anh, chị có hai người con chung là cháu Võ Tấn K, sinh năm 2005 và cháu Võ Thị Kim A, sinh năm 2007. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Anh và chị L chung sống không có tài sản chung cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, ngoài ra cũng hông có ai khác nợ lại vợ chồng anh chị.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy L được Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ để lấy lời khai, hòa giải, xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh T phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Chị L đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ, chị L là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Anh Đ, chị L chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận anh Đ, chị L là vợ chồng. Về con chung: Hai con chung là cháu Võ Tấn K, sinh năm 2005 và cháu Võ Thị Kim A, sinh năm 2007 sống chung với anh Đ từ khi anh chị ly thân cho đến nay, nay anh Đ có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên giao con chung cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị L đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: anh Võ Tấn Đ và chị Nguyễn Thị Thúy L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Do không có đăng ký kết hôn nên việc anh Đ và chị L đã vi phạm quy định tại theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình do đó giữa chị anh Đ và chị L không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay anh Đ yêu cầu ly hôn với chị L do anh chị sống chung không hạnh phúc, anh, chị đã ly thân từ năm 2011.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị L được triệu tập làm việc, hòa giải, xét xử hợp lệ nhưng chị L vắng mặt, tuy nhiên theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị Ngọc là mẹ ruột của chị L hiện đang sống chung với chị L, thì bà Ngọc thừa nhận là vợ chồng anh Đ, chị L có mâu thuẫn, anh Đ, chị L đã ly thân 8 năm nay. Do đó, căn cứ Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận anh Đ và chị L là vợ chồng.

[3] Về con chung: \anh Đ, chị L có hai người con chung là cháu Võ Tấn K, sinh năm 2005 và cháu Võ Thị Kim A, sinh năm 2007. Từ ngày anh Đ và chị L ly thân thì anh Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Kiệt và cháu Kim Anh. Nay ly hôn anh Đ cũng có nguyện vọng muốn tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên giao cháu Kiệt và cháu Kim Anh cho anh Đ nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu đến tuổi trưởng thành là phù hợp, ghi nhận anh Đ không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh T là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Tuyên bố không công nhận anh Võ Tấn Đ và chị Nguyễn Thị Thúy L là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho anh Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cháu Võ Tấn K, sinh năm 2005 và cháu Võ Thị Kim A, sinh năm 2007.

Ghi nhận anh Đ không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0012746 ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh T, anh Đ đã nộp xong án phí.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại UBND xã nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**